TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 96/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 -5 -2021
V/v: "*Ly hôn "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Hợi

2. Ông Cao Xuân Bằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST- HNGĐ ngày 15/3/2021 về việc: "Ly hôn ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/QĐXX-ST ngày 14/5/2021 giữa;

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị D ; Sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C M , xã Đ T , huyện B T , tỉnh TH

Bị đơn: Anh Phạm Huy H ; Sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C M , xã Đ T , huyện BT, tỉnh TH

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án chị D trình bày: Chị D và anh H tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau có tổ chức theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống được một thời gian thì không hạnh phúc, vợ chồng lời qua tiếng lại và anh H có đánh chị D vì ghen tuông vô cớ. Có lần chị D chỉ đi bắt ốc với em chồng về cũng bị anh H đánh đập và cầm dao cắt tóc. Chị D

cảm thấy không hạnh phúc và không chịu đựng được nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2010 đến nay. Chị D không còn tình cảm với anh H và làm đơn xin ly hôn để được giải thoát khỏi ràng buộc vợ chồng.

Về con chung: Chị D và anh H có hai con chung là cháu Phạm Thị Q , sinh ngày 15/6/2000 và cháu Phạm Văn Đ sinh ngày 06/01/2003. Các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D trình bày không có nợ chung.

Bị đơn anh H trình bày: Anh và chị D tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau nhưng không đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng.

Vợ chồng chung sống được những năm đầu. Do kinh tế khó khăn, thiếu thốn nên hai vợ chồng hay cãi nhau. Chị D tự bỏ về ngoại từ năm 20210 đến nay. Sau khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị D làm đơn ly hôn anh H đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị D có hai con đã trưởng thành như chị D trình bày là đúng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H trình bày không có nợ chung.

Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt.

Về án phí: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí theo quy định là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Việc chị Bùi Thị D và anh Phạm Huy H đã nhận quyết định đưa vụ án tra xét xử và có đơn xin xử vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

[2.] *Về hôn nhân*: Chị Bùi Thị D và anh Phạm Huy H tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Nhưng không đi đăng ký kết hôn nên cuộc sống chung của anh chị không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] *Tình trạng cuộc sống chung*: Mâu thuẫn giữa anh chị đã đến mức trầm trọng. Cuộc sống chung không còn tồn tại, mỗi người một nơi không chung mục đích. Nay cả hai anh chị cùng muốn chấm dứt cuộc sống chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị D và anh Phạm Huy H là vợ chồng

[4].*Về con chung.* Bùi Thị D và anh Phạm Huy H có hai con chung là cháu Phạm Thị Q sinh ngày 15/6/2000 và cháu Phạm Văn Đ sinh ngày 06/01/2003. Các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về án phí:* Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. -Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227 của BLTTDS.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Bùi Thị D . Không công nhận quan hệ giữa chị Bùi Thị D và anh Phạm Huy H là vợ chồng.

3. *Về án phí*: Chị Bùi Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí chị D đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0007525 ngày15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước (chị D đã nộp đủ).

Án sơ thẩm vắng mặt các đương, Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
  -Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn, …….
- Lưu hồ sơ vụ án

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬSƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên